

Việt-nam
Ngôn-ngữ-học 3 (Lịch-sử)
VinaLing Publ 3
Copyrighted material

NHỮNG ĐỊA-TẶNG NGÔN-NGỮ TRONG LỊCH-SỬ TIẾNG VIỆT

Nguyễn Ngọc Bích
và
Đào Thị Hội, Ed.D.

Thân tặng
Chị Ngọc Tiên và Kíp Hán Việt
Chúc các ACE đến bộ học
việc học về nguồn này.

Bích + Hội

9/30/02

VICANA
HỘI VĂN-HOÀ VIỆT-NAM TẠI BẮC-MỸ
1983

NHỮNG ĐỊA-TẦNG NGÔN-NGỮ TRONG LỊCH-SỬ TIẾNG VIỆT

Khi nói đến địa-tầng là chúng tôi đã có ý đem một quan-niệm của địa-chất-học áp-dụng vào khoa ngôn-ngữ-học lịch-sử của Việt-nam. Quan-niệm địa-tầng cho rằng mặt đất như ta thấy ngày hôm nay là dạng mới nhất của một quá-trình biến-thiên trải dài trên hàng triệu triệu năm và để tìm ra những dạng xa xưa của trái đất, chúng ta cần đào sâu xuống những địa-tầng thấp hơn để nghiên-cứu những hình-thái trước đây của mặt đất.

Quan-niệm địa-tầng-học (stratigraphie) đã được đem áp-dụng vào khảo-cổ-học để dùng từng lớp đất (địa-tầng) mà tính ra niên-đại của các cổ-vật mà ta khai quật lên được. Ở đây, chúng tôi xin đề nghị một việc làm tương-đồng mới mẻ là đem áp-dụng quan-niệm địa-tầng vào ngôn-ngữ-học lịch-sử của chúng ta.

Trong ngôn-ngữ hằng ngày, chúng ta thường để ý thấy mỗi người nói đều có cái kiểu riêng, cái cách riêng của mình. Dựa vào những chi-tiết mà ta phát hiện được trong kiểu nói, cách nói đó, chúng ta có thể ước-đoán là người đó là người miền Nam hay người miền Bắc, người miền biển hay người Hà-nội, người Việt gốc Hoa hay người sơn-cước. Thậm chí ngay cùng là người "Bắc," chúng ta cũng có thể để ý thấy người này nói tiếng Bắc pha trộn tiếng Nam (nhất là trong mặt sử-dụng từ-ngữ, tỷ-dụ dùng "ly" thay cho "cốc," "muống" thay cho "thìa," "rường" thay cho "hòm"), người kia nói tiếng Bắc "thuần-tuý," người "Bắc-kỳ cựu" nói khác người "Bắc-kỳ di cư" và người "Bắc-kỳ di cư" lại nói thật khác người "Bắc-kỳ bộ-đội" đã nhuộm mùi Cộng-sản. Thành thử với mỗi một nhóm người như vậy chúng ta lại có một "địa-tầng" ngôn-ngữ mà nếu như chúng ta bỏ chút thời giờ ra, chúng ta có thể định nghĩa rất rõ ràng đâu là những đặc-điểm của một địa-tầng ngôn-ngữ đó.

Tỷ-dụ, một địa-tầng ngôn-ngữ hậu Cộng-sản^{1/} trong tiếng Việt sẽ phải cho ta thấy rằng nó khác những địa-tầng ngôn-ngữ trước đây ở những "điện" như:

- Từ ngữ thay có những chữ như "đăng-ký," "hộ-khẩu," "hải-quan," "điện," "bộ-đội" v.v. Có những tiếng trước đây cũng có trong tiếng Việt nhưng ngày nay mang một nội-dung khác hẳn như "học tập," "vùng kinh tế mới," "đảng" viết hoa và dùng trống không, "Bác" (tiếng "Bác" rộn hỗn)... Tiếng "xã-hội-chủ-nghĩa" trước đây không phải là không có nhưng những ý-nghĩa bên lề của nó như "xếp hàng cả ngày, xạo hết chỗ nói, xếp hạng con người xuống hàng chó ngựa" thì tuyệt-đối phải đợi đến khi Cộng-sản xâm-chiếm xong miền Nam, trí-tưởng-tượng phong phú của người dân mới lỏng cho tiếng "xã-hội-chủ-nghĩa" một lỗ áo mặc thêm đó.

1/ Chúng tôi xin được dùng chữ "hậu Cộng-sản" để nói tiếng Việt sau khi Cộng-sản lên cầm quyền, như sau 30-4-1975 ở miền Nam. Người Cộng-sản muốn được gọi giai-đoạn này là "sau ngày Giải phóng" nhưng chúng ta đã thừa biết chữ "Giải phóng" này có ý nghĩa chua xót như thế nào rồi.

- Về mặt chữ thì ta thấy tiếng Việt hậu Cộng-sản đem du-nhập vào trong tiếng ta những "cụm tử-âm" như "xt-" cốt chỉ để phiên âm được những tên Nga như "Xtalin."

- Về mặt ngữ-pháp hay cơ-cấu thì một ngôn-ngữ đổi thay rất chậm chạp. Do vậy nên ta mới chỉ thấy một vài đổi thay nhỏ nhoi và nghe rất "nhà quê" như "làm tốt, học tốt" (tiếng Việt cũ chỉ có "chết tốt" thôi) hay chữ "là" dùng toán loạn như trong câu "Dân-tộc Việt-nam là anh-hùng" (Trường Chinh), không phải theo nghĩa "dân-tộc ta là người anh-hùng" mà phải hiểu theo nghĩa "anh-hùng" là một tính-tử dùng sau tiếp-thuật-tử (copulative) "là" như người ta dùng tính-tử trong tiếng Anh hay tiếng Pháp tiếp theo "véc-bô" "être" hay "to be" vậy.

Đó, mới có độ mấy năm mà người ta thấy tiếng Việt đã đổi thay--hay bị làm cho đổi thay--tới mức đó.

Những địa-tầng ngôn-ngữ lớn trong tiếng Việt

Dựa vào những nhận-định trên, chúng ta có thể thấy là ngay trong vòng vài chục năm sau này người ta đã có thể tưởng tượng ra những địa-tầng ngôn-ngữ như sau:

- Một địa-tầng ngôn-ngữ hậu Cộng-sản (phổ-biên ở Việt-nam ngày hôm nay)
- Một địa-tầng ngôn-ngữ thời Việt-nam Cộng-hoà (với tiếng Sài-gòn là tiếng chính-thức của quốc-gia thời bấy giờ)
- Một địa-tầng ngôn-ngữ Bắc-Việt di cư
- Một địa-tầng ngôn-ngữ Bắc-kỳ cựu
- Một địa-tầng ngôn-ngữ tiếng miền Nam thuần-tuý, v.v.

Đó là nếu như ta chỉ muốn lấy một thành phố Sài-gòn làm địa-điểm nghiên-cứu mà thôi. Chứ nếu ta đi ra ngoài, về lục tỉnh hay ra Trung hay ra Bắc rồi ra hải-ngoại để nghiên-cứu (tỷ-dụ như tiếng Việt ở Pháp, ở Mỹ, v.v.) thì chúng ta còn nhiều địa-tầng khác lạ nữa.

Tuy-nhiên, những địa-tầng liệt-kê trên đây đều là những địa-tầng ngôn-ngữ mà chúng ta có thể nghiên-cứu song song, đồng-bộ, tức là gần như hoàn-toàn trong cùng một lúc vì một lẽ đơn-giản là nếu muốn, chúng ta có thể tìm ra một cách dễ dàng--ngay trong lúc này--những loại người dùng những loại ngôn-ngữ đó. Đây là trường-hợp nghiên-cứu đồng-đại (synchronic approach) trong khoa ngôn-ngữ-học.

Nhưng để nghiên-cứu lịch-đại (diachronic approach), nhất là trở về xa xôi trong dòng thời-gian, chúng ta không có cách nào khác hơn là phải dựa vào chữ viết mặc dầu chúng ta thừa biết là chữ viết đôi khi che giấu nhiều sự dị-biệt mà ta biết là có trong thực-tê. Tỷ-dụ, chữ "v" miền Nam đọc một khác và miền Bắc đọc một khác nhưng nếu chúng ta chỉ bằng vào chữ viết thì chúng ta toàn thấy viết là "v" mà thôi, không có gì thêm thắt để tách biệt hai lời phát âm của hai miền.

Biết thế rồi nhưng vì chúng ta không có gì hơn nên chúng tôi xin đề nghị là ta cứ dựa vào cái di-tích không được tội-hào đổ của tiếng nói chúng ta qua các thời-đại để thử tìm về một vài đặc-điểm chính của ngôn-ngữ chúng ta trong các chặng phát triển lịch-sử của nó. Đây là một trường-hợp bất đắc dĩ (vì chúng ta không có bằng-chứng nào hơn) và tính-cách bất đắc dĩ này đã buộc chúng ta

phải lệ-thuộc vào chính phương-tiện của chúng ta. Về mặt này, chúng ta không khác gì trường-hợp của mấy nhà khảo cổ: chúng ta phải tái-tạo lại hình ảnh của thời xưa dựa lên trên những gì chúng ta khai quật được và cùng lắm chúng ta cũng chỉ có thể đoán được về những giai-đoạn hay những địa-phương mà chúng ta chưa tìm ra được cái gì chính-xác. Thế có nghĩa là tổng-quan của vấn-đề sẽ buộc lòng thiếu sót, ngày nào chúng ta chưa tìm được ra hết--mà tìm được ra hết các di-chỉ, di-tích thì có lẽ còn rất rất xa.

Rảo đón thế rồi, chúng tôi xin dựa vào mặt chữ để mà đưa ra ba địa-tầng ngôn-ngữ lớn trong tiếng Việt, đó là:

- Địa-tầng "quốc-ngữ" (hay tiếng Việt viết bằng chữ La-mã)
- Địa-tầng "nôm" và
- Địa-tầng Hán-Việt.

Địa-tầng "quốc-ngữ"

Địa-tầng "quốc-ngữ" lại có thể chia ra làm nhiều địa-tầng nhỏ hơn, tỷ như:

- Một địa-tầng tiếng Việt viết xướng bằng chữ La-mã nhưng không có dấu (thời Cristoforo Borri, khoảng 1620-30)
- Một địa-tầng tiếng Việt viết xướng bằng chữ La-mã với nguyên-âm giọng mũi bị ảnh-hưởng tiếng Bồ-đào-nha trong cách viết (thời Gaspar de Amaral và Alexandre de Rhodes, từ khoảng 1630-35 trở đi)
- Một địa-tầng tiếng Việt viết xướng bằng chữ La-mã trong căn-bản giống như ngày hôm nay.

Để chứng minh sự khác biệt giữa tiếng Việt thế-kỷ XVII và tiếng Việt ngày hôm nay, chúng ta có thể đưa ra được những dữ-kiện nổi bật nào?

Trước hết, về phương-diện phát âm chúng ta thấy có một số khuôn nguyên-ân phát âm giống như trong giọng miền Nam ngày hôm nay, tỷ như khuôn "-uô-" trong một vài trường-hợp đọc là "-uâ-" ("quốc" đọc là "qu~~â~~ac" thì vẫn như phát âm của người miền Nam ngày nay nhưng "muôn" đọc là "mu~~ân~~an" hay "khuôn" đọc là "khu~~ân~~an" thì không còn thấy nữa).

Nhưng nổi bật nhất vẫn là hiện-tượng cụm tử-âm, đặc-biệt những cụm tử-âm "tl-, bl-, ml-, mnh-" khá thông thường trong tiếng Việt thế-kỷ XVII mà hầu như không còn thấy trong phát âm của người Việt ngày hôm nay. Như "trầu" hồi đó viết là "tlâu," "tre" viết là "tle," "trái" viết là "blái," "trời" viết là "blôi," "lỏi/nhối" viết là "mlôi/mnhối."

Chữ "vào" hồi đó cũng viết là "beào" (cuốn sách giảng đạo của Alexandre de Rhodes, in năm 1651 tại La-mã, chẳng thế mà có tên tiếng Việt viết thành phụ-chú là "Phép giảng tám ngày cho kẻ mu~~ân~~an chịu phép rửa tội mà beào đạo thánh Đức Chúa blôi"). Điều đó chứng tỏ là phát âm của người Việt miền Nam cho chữ "v" là "bz-" gần tiếng Việt thế-kỷ XVII hơn là phát âm "v" của người miền Bắc ngày hôm nay.

2/ Huỳnh Tịnh Của đến cuối thế-kỷ thứ XIX (1896) vẫn còn viết nhan-đề từ-điển của ông là Đại-nam Quốc-âm Tự-vi. Ngày nay, nhiều người miền Nam vẫn phát âm "quốc-gia" là "qu~~â~~ac dzya."

Về cách viết (khác với vần-đề phát âm) thì ta thấy chính-tả Việt-ngữ thời bây giờ còn bị ảnh-hưởng của một số cách viết Bồ-đào-ngữ. Nếu âm "nh-" (như trong "nhà, nhỏ, nhớ") trong tiếng Việt viết như vậy thì đó là một ảnh-hưởng Bồ-đào-nha (tỷ-dụ, "da Cunha" thay vì viết là "gn-" như trong "montagne" của Pháp hay "ñ-" như trong "cañon" của Y-pha-nho). Lỗi viết này còn tồn-tại cho đến ngày nay nhưng một số cách viết của thế-kỷ XVII không còn tồn-tại, có lẽ vì tính-cách dễ làm nhầm lẫn của nó: đó là trường-hợp những nguyên-âm giọng mũi mà viết bằng dấu ngã ở trên nguyên-âm thay vì viết thành "-ng" như ta viết ngày hôm nay. Chữ "cung," chẳng hạn, thời bây giờ viết là "cũ," chữ "sống" viết là "sốú." Lỗi viết này dễ làm cho ta lầm dấu giọng với dấu âm.

Về vần-đề tự-vựng, thế-kỷ XVII cũng có một số từ mà nghĩa khác ngày hôm nay nhưng chúng tôi không muốn đi sâu vào ở đây, vì bản đến đây là chúng ta phải nói về ngữ-nghĩa--một vần-đề chúng ta sẽ không có đủ thì giờ để mở xé tại đây. Tóm lại, trong khuôn khổ bài này, chúng tôi chỉ muốn nói đến những hình-thức bề ngoài, để nhận ra như các vần-đề âm-học, âm-vị-học, ngữ-âm-hệ, hình-thái-học ngôn ngữ mà thôi.

Địa-tầng Năm

Đào ngược dòng thời-gian, chúng ta sẽ trở về đến chữ Năm, một thứ chữ viết dựa lên chữ Hán nhưng để diễn-tả những âm Việt. Người ta không rõ chữ Năm xuất-hiện từ bao giờ nhưng có điều chắc chắn là lịch-sử ghi lại Nguyễn Thuyên và Nguyễn Sĩ Cố là những người đầu tiên dùng kiểu viết này để ghi lại những bài thơ Việt-âm, vào cuối thế-kỷ XIII. Nói cách khác, Nguyễn Thuyên không phải là người "đề" ra chữ Năm, kiểu viết Năm--vì kiểu này tối-thiểu cũng đã có từ thế-kỷ VIII khi Phùng Hưng được dân gọi là "Bồ Cái đại-vương"^{3/} hay quốc-hiệu nước ta dưới thời Đinh Tiên-hoàng được gọi là "Đại-Cổ-Việt"^{4/}. Song vì ta thiếu những tài-liệu Năm có trước đời nhà Trần^{5/} nên sự thảo-luận dưới đây không thể trở về trước thế-kỷ XIII hay XIV được.

Chữ Năm trong căn-bản theo nguyên-tắc của chữ Hán, có nghĩa là một chữ không thuận-tuý chỉ tìm cách diễn âm (một ưu-tu phụ) mà nhằm nhiều hơn vào sự diễn-tả nghĩa. Chữ "trời 天," chẳng hạn, nhằm diễn-tả cái ý của bầu trời ("thiên 天" trong chữ Hán) ở trên ("thượng 上") chúng ta và không hề có một dấu hiệu nào để chỉ cho ta cách phát âm ("âm-phù" hay "phonetic element"). Thế có nghĩa là chữ 天 có thể đọc là "trời" như ta đọc ngày hôm nay, "giời" như một vài người Bắc đọc, hay "blời" như phát âm của thế-kỷ XVII. Viết kiểu này có cái lợi là khi đọc, ta không lo phải phân vân là một chữ đồng-âm phải hiểu theo nghĩa này hay nghĩa kia. Chữ "sao 星" là ông sao trên trời viết khác chữ "sao 星" có nghĩa là thế nào vì yêu-tố nghĩa có được ghi ngay trong mặt chữ.

Nói thế song ta cũng phải công-nhận là trong đại-đế, chữ Năm mang nhiều tính-cách diễn âm hơn chữ Hán. Nhờ đó ta có thể dựng lại được, hay ít nhất cũng

3/ 布蓋大王.

4/ 大瞿罽.

5/ Đào Duy Anh trong Chữ Năm: Nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến (Hà-nội: Nhà xuất bản Khoa-học xã-hội, 1974) có đưa ra được hai chứng-tích có ghi chữ Năm từ đời nhà Lý, chiếc chuông đồng chùa Văn-bản và tấm bia chùa Tháp-miêu (huyện Yên-lãng, tỉnh Vĩnh-phú) đề đầu năm 1210 đời Lý Cao-tông.

phỏng-đoán được, cách phát âm của chữ Nôm dựa trên phân âm-phụ của mỗi chữ Nôm. Tỷ như ta có bằng-chứng rõ ràng rằng cách viết "tlé, tlâu, blôi, blái, mlời" của Alexandre de Rhodes (thay vì "tré, trâu, tròi, trái, nhời" của ta ngày nay) có sự tương-đương của nó trong chữ Nôm với các chữ đó viết như sau:

Phát âm ngày nay	Phát âm theo Alex. de Rhodes	Cách viết chữ Nôm	Yếu-tố phiên âm (với cách đọc Hán-Việt)
tré	tlé	禮	礼 lễ
trâu	tlâu	樓	楼 lâu
trời	blôi	丕	丕 lòi/blòi
trao	tlao	樺	桦 lao
lời	mlời/mnhời	啞	丕 lòi/blòi
tréo	tléo	了	了 liểu
(con) trai	tlai	來	来 lai
tròn	tlòn	論	論 luận
trong	tlong	滝	滝 long
trông	tlông	籠	籠 long
lế	mlế/mnhế	理	理 lý

Nói cách khác, yếu-tố "l" trong những từ-ngữ trên đây (và hàng trăm từ ngữ khác tương-tự) không phải chỉ có trong tưởng-tượng của cố Alexandre de Rhodes mà còn là một yếu-tố nổi, âm-vị nổi (the dominant phoneme) trong các cụm từ-âm "tl-, bl-, ml-, mnh-" ở thế-kỷ XVII hay trước đó nữa khi các hình-thức chữ Nôm liệt-kê trên đây được tạo ra.

Tuy-nhiên, vì chữ Nôm cổ hơn chữ Việt la-mã-hoá nên ngoài những từ có tương-đương Nôm - Việt la-mã-hoá thế-kỷ XVII như nêu ở trên, chúng ta cũng còn thấy có nhiều chỉ dấu về phát âm Nôm mà ngay thời Alexandre de Rhodes cũng không còn thấy vết tích trong chữ Việt la-mã-hoá thời ấy. Ở đây, chúng tôi chỉ xin dẫn-cử một vài tỷ-dụ đã được Đào Duy Anh nhắc đến, mặc dầu cách giải thích của ông có phần khác quan-niệm của chúng tôi:

Một tỷ-dụ là chữ "bú" viết là 乳, bộ "khẩu" bên cạnh chữ "nhữ" (nghĩa là "vú"). Theo như Đào Duy Anh thì đây là một trường-hợp "b" do "nh" chuyển thành và sự chuyển thành đó theo ông xảy ra như sau: "Âm xưa của chữ nhữ là vú, từ vú chuyển sang bú là tự nhiên."^{6/} Đây, chúng tôi e sợ, là một sự khẳng-định hơi thiếu căn-bản: chúng tôi chưa thấy ở sách nào hay ở đâu nói phát âm xưa của "nhữ" là "vú" cả. Chúng tôi e rằng đây chỉ là một trường-hợp chữ tượng hình (hội ý), để tả động-tác bú thì có gì rõ cho bằng để cái miệng (của đứa trẻ) bên cạnh cái vú của người mẹ?

Trường-hợp "ch" do "t" chuyển thành thì được Đào Duy Anh trình bày như sau: "Chữ 祖, vốn âm chữ Hán là tổ; chữ 孛 do 素 tổ, chữ 孛 do 存 tồn. Âm T cổ lẽ phải trải qua Th mà đến Ch (T—Th—Ch)."^{7/} Song điều này cũng không

6 và 7/ Như trên, trang 110.

có gì chắc chắn cả. Ngược lại, âm "t" mà đầu-nuôi-hoá là đủ thành âm "ch" rồi (trường-hợp này Pháp gọi là "t mouillée"), đầu cần phải qua chặng "th," một điều rất khó chứng minh.

Tất cả những trường-hợp "ơ" chuyển thành "z," tỷ như "đình" thành "dùng" hay "rối" mà lại viết với âm-phù "đôi 對," đều có thể giải thích được bằng hiện-tượng một bán-âm "y" chen vào để cuối cùng đổi thành "z." Đây có thể xem là một định-luật để chứng minh được tại sao chữ "đại" trong âm Hán-Việt lại có thể đổi thành "zài" trong tiếng Việt được. Nói cách khác, sự chuyển âm đi từ "đại" sang "*đvai" sang "*vai" xong "*vai" sang "*zvai" sang "zài" của tiếng Việt ngày hôm nay.^{8/} Đây hiển-nhiên phải là một quá-trình lâu dài và chúng ta không thể trông mong tiếng Nôm và nhất là cách viết của nó (tức chữ Nôm) phản ảnh được đầy đủ tất cả các chặng chuyển-biến kéo dài trên hàng thế-kỷ.

Nói thế rồi--tức là sau khi đã công-nhận những giới-hạn của chữ Nôm như là một loại chữ dùng để ghi lại các chuyển-biến về ngữ-âm--chúng tôi thiết nghĩ ta vẫn có thể khai thác được lối chữ viết Nôm để xác-định cách phát âm của một số lớn các từ trong tiếng Việt giai-đoạn thế-kỷ XIII đến thế-kỷ XVII-XVIII.

Ở trên, chúng ta đã thấy cách viết chữ Nôm của những chữ "trè, trâu, trời..." phản ảnh sự-kiện phát âm của những chữ này thời đó có âm "l" ở trong, như ta thấy trong cách viết tiếng Việt của các giáo-sĩ đầu thế-kỷ XVII. Ở đây, chúng tôi muốn khai-triển nhận-định đó để đưa ra giả-thuyết là tiếng Việt thời Nôm-thịnh,^{9/} nhất là ở giai-đoạn đầu tức khoảng thế-kỷ XIV-XV, còn có những cụm từ-âm loại khác hơn "tl-, bl-, ml- và mh-." Đó là những cụm từ-âm "sl-" và "sk-" (hoặc "ks-").

Trường-hợp "sl-" là rõ nhất. Ngày hôm nay, chúng ta còn có thể thu thập được cả hàng chục (có thể đến khoảng 60) chữ Nôm trong đó âm-phù là một chữ bắt đầu bằng âm "l" trong khi đó cách đọc ngày nay chỉ thấy bắt đầu bằng "s." Dưới đây, chúng tôi xin liệt-kê một danh-sách của vài chữ tiêu-biểu nhất thuộc loại này:

Phát âm ngày nay	Cách viết chữ Nôm	Yếu-tố phiên âm (trg cách đọc Hán-Việt)	Cách đọc ước-đoán (thế-kỷ XIV-XV)
sáng	𣪗	郎 lang	*sláng
(đi) sang	𣪗	郎 lang	*slang
sáu	𣪗	老 lão	*sláu
sạch	𣪗	歷 lịch	*slạch
sống	𣪗, 𣪗	弄 lộng	*slống

Những bảng-chứng trên đây, cộng thêm với "xê-ri" "tlê, tlâu, blôi..." cho ta thấy rõ ràng rằng tiếng Việt có một thời (khoảng thế-kỷ XIV-XV) có cụm từ-âm

8/ Những hình-thức có dấu hoa (*) là những dạng phỏng-đoán.

9/ Chúng tôi xin tạm đưa ra cách gọi này để chỉ giai-đoạn phát triển của chữ Nôm (thế-kỷ XIII-XIX) chứ chữ Nôm không bao giờ được toàn-thịnh cả.

mà yếu-tố nổi bật là yếu-tố âm "l": sl-, bl-, ml-, tl-, vân vân. (Sự thực, cách đọc mà chúng tôi đưa ra trên bảng trên đây được mô-tả là ước-đoán nhưng chúng ta cũng còn có nhiều cách để củng-cố thêm cách đọc đó và cho nó là đúng: tỷ-dụ, chữ "*sláng 𑜉𑜂𑜫" mà sau này ta cho là chuyển-biến thành "sáng" cũng còn chuyển-biến sang một dạng phát âm khác nữa mà ta đọc là "rạng 𑜉𑜂𑜫", đủ chứng tỏ là cả "sáng" lẫn "rạng" đều bắt nguồn từ "*sláng" mà ra; lại nữa, chữ "xông" trong tiếng Việt ngày hôm nay--nghĩa là cái váy như trong "áo xông"--thì rõ ràng là gốc gác ở chữ "sarong" của Miên mà ra. "Sarong" đổi thành "*srông" để rời thành "xông.")

Đền đây, chúng tôi xin đi thêm một bước nữa để đưa ra giả-thuyết chúng ta còn có cụm từ-âm "ks-" hay "sk-" còn thấy ghi lại (tuy mờ nhạt) ở trong chữ Nôm. Đào Duy Anh cho biết là chữ "sang" trong "sang trọng" viết là "cự 𑜉𑜂𑜫" (có nghĩa là lớn) ở trên âm-phủ "lang 𑜉𑜂𑜫" nhưng ông không hiểu sao chữ "lặng 𑜉𑜂𑜫" chữ "vãng 𑜉𑜂𑜫" lại có khi cũng dùng bộ "cự 𑜉𑜂𑜫".^{10/} Ở đây, chúng tôi chưa dám cả quyết rằng ông Đào sai khi ông viết ông "ngờ rằng nguyên viết là 𑜉𑜂𑜫 và 𑜉𑜂𑜫 có dấu cá 𑜉𑜂𑜫 ở bên, rồi sau dấu cá bị lộn thành bộ 𑜉𑜂𑜫 rồi từ đó người ta cứ viết bộ 𑜉𑜂𑜫 quen tay mà chẳng đặt nghĩ vân vì sao"^{11/} nhưng chúng tôi cũng cảm thấy là giải-thích như thế xem chừng không ổn. Ngược lại, chữ "sang" rất có thể đã có một thời phát âm là "*ksang," một lối phát âm mà ngày nay ta còn có thể nghe thấy ở trong tiếng Mường Thạch-bì như đã được Landes và Chéon ghi lại vào cuối thế-kỷ trước.^{12/} Chấp-nhận lối giải-thích này, chúng ta sẽ hiểu được tại sao "Mekong" lại có nghĩa là "mẹ sông": chữ "*ksong" biến một dạng thành "kong" trong tiếng Thái-Lào và một dạng thành "sông" trong tiếng Việt.

Chấp-nhận cụm từ-âm "ks-" rồi sẽ dẫn chúng ta đến để chấp-nhận là có cụm từ-âm "kl-" hay "kw-" để giải-thích tại sao chữ "lặng 𑜉𑜂𑜫" lại viết là "cự + lang" hay "vãng 𑜉𑜂𑜫" là "cự + bang." Trường-hợp "cự + bang" mà thành "vãng" thì có thể hơi khó hiểu một chút nhưng chúng ta chỉ cần nghe một vài người miền Nam tìm cách phát âm chữ "vãng" là ta hiểu tại sao ngay: một số người miền Nam muốn cố đọc cho có âm "v" thì lại nói thành "gwãng" tức là một âm mặng của cọng bán-âm "w," nói cách khác "k/g + w" mà bán-âm này ("w") thì được diễn-tả bằng âm "b" trong trường-hợp chữ "vãng 𑜉𑜂𑜫."

Nếu những điều chúng tôi đề nghị trên đây không xa sự thật lắm thì chúng tôi thiết nghĩ chúng tôi đã giải-quyết được nghi-vấn "song viết 𑜉𑜂𑜫" trong thơ Nguyễn Trãi và Hồng-đức Quốc-âm Thi-tập. Trong thơ Hồng-đức Quốc-âm Thi-tập người ta thấy xuất hiện thành-ngữ này khá nhiều lần và có một loạt bài viết về ngư, tiểu, canh, mục (bốn nghề chính của người dân là nghề chài, nghề hái củi, nghề nhà nông và nghề chăn) bắt đầu bằng "Song viết ai bằng song viết..." Nếu bây giờ ta chấp-nhận quan-điểm của chúng tôi cho rằng chữ "song 𑜉𑜂𑜫" này thực-sự phải đọc là "*ksong" và "song viết" chỉ có nghĩa là "công việc" thì mọi sự trở nên sáng như ban ngày.

10/ Đào Duy Anh, sách đã dẫn, trang 93.

11/ Giải-thích như thế này, chúng tôi thấy không phải là vô lý. Tuy-nhiên, khi ông Đào dùng lối giải-thích này hơi nhiều lần (về Trần Cường-trung, về chữ "gương" và "vui") thì chúng tôi e có sự lạm-dụng.

12/ Landes và Chéon đã thu thập một số truyện dân-gian của dân Mường Thạch-bì, ghi trong tiếng của họ và có dịch nghĩa sang tiếng Việt kèm theo, chưa in. Maspéro đã dùng để nghiên-cứu trong tác-phẩm *Etudes sur la Phonétique historique de la langue annamite: Les initiales* (BEFEO, Tập XII, 1912).

Để tóm tắt về mặt cụm từ-âm, chúng ta có thể kết-luận như sau: Khi chữ Nôm bắt đầu thịnh dưới đời nhà Trần thì lối chữ viết đó còn ghi lại nhiều loại cụm từ-âm trong tiếng Việt ("kl-, ks- hay sk-"... có thể có cả "km-" hay "pm-" nữa), sang đến thế-kỷ XV-XVI thì những cụm từ-âm như "sl-" (hoặc "sr-") vẫn còn phổ-biên nhưng đến thế-kỷ XVII khi các giáo-sĩ Tây-phương sang và ghi lại tiếng nước ta trong chữ La-mã thì ta chỉ còn một số cụm từ-âm giới-hạn như "tl-, bl-, ml-, mnh-" mà thôi. Nói tóm lại, trong thời Nôm-thịnh, có lẽ cách phát âm của ta nghe hơi giống cách phát âm của người Miên bấy giờ với những cụm từ-âm của họ.

Nói thế chưa hết, Đào Duy Anh còn nhắc đến một vài trường-hợp mà theo ông cách viết "hơi lạ"^{13/} vì nó không theo nguyên-tắc hình thành ("một nửa chữ là hình, một nửa chữ là thanh" theo định-nghĩa của Đào Duy Anh) mà cũng không theo nguyên-tắc giả-tả hoàn-toàn, nhất là kiểu thứ tư mà Đào Duy Anh định nghĩa là "mượn chữ Hán mà âm Hán-Việt gần với từ Việt để biểu hiện từ ấy một cách gần giống," đó là hai chữ "trái 𠵹" (chính thật phải nói là "blái") viết là "ba - lại" và "trắng 𠵹" (chính thật phải nói là "blắng") viết là "ba - lẳng." Theo ông, "hai chữ này có vẻ như chữ ghi âm thuần-tuý, chữ ba 𠵹 là chữ đầu của âm đầu kép bl. Nhưng đây là trường-hợp rất hiếm." Theo chúng tôi, nhận xét này cũng đã là xác-đáng và có thể chấp-nhận được hoàn-toàn. Tuy-nhiên, chúng tôi cũng thấy là có thể đây là một trường-hợp mà yếu-tố âm "b" mạnh đến nỗi người ta thấy bất buộc phải ghi nó bên cạnh yếu-tố âm "l." Nói cách khác, đây có thể xem là một bằng-chứng là chữ "trái" thời bấy giờ đọc là "bơ-lái" hay "ba-lái" và chữ "trắng" đọc là "bơ-lẳng" hay "ba-lẳng." (Có hiểu thế thì chúng ta mới thấy được một nguồn gốc có thể của chữ "ba lẳng nhằng" ngày hôm nay.) Dầu sao đi nữa thì cái giả-thuyết cho rằng chữ Nôm, như trong trường-hợp này, đã có lúc được hưởng theo một cách "ghi âm thuần-tuý" (pure phonetic transcription) là một giả-thuyết đáng để cho ta chú ý.

Nếu cụm từ-âm là hiện-tượng nổi bật của tiếng Nôm thì hệ-thống nguyên-âm của tiếng Nôm cũng lý kỳ không kém. Ngày hôm nay chúng ta cứ hỏi người Quảng-nam Quảng-ngãi cho rằng họ nói khác thường, "nam" thì đọc là "nôm," "anh" thì đọc là "eng," "nghĩa" thì đọc là "ngãi," "su" cũng đọc là "sãi," v.v. Thực ra, điều này không có gì lạ cả nếu như ta hiểu được rằng họ đọc đúng như kiểu phát âm ngày xưa của tiếng Nôm.

Lấy ngay chữ "Nôm 𠵹." Tại sao lại viết bộ "khẩu 𠵹" bên cạnh chữ "nam" mà đọc là "nôm"? Đây là một trường-hợp không khác gì chữ "nôm" trong "gió nôm." Ta nói "gió bắc" (thời từ miền "Bắc") và "gió nôm" (thời từ miền "Nam"). Đây là một trường-hợp rõ ràng chứng minh cách phát âm "nôm" là cổ hơn cách phát âm "nam." Lấy một trường-hợp khác cũng theo qui-luật này: đó là chữ "bản 𠵹" mà người ta có thể đọc được là "bôn" nữa. Tỷ-dụ: "Nhật-bản" hay "Nhật-bôn"? Cả hai lối đọc đều đúng nhưng ta có cách nào biết được là lối đọc nào cổ hơn lối đọc nào không? Chúng tôi thiết-tưởng ở đây ta có thể tham-chiếu tiếng nhà Phật để biết được ngay: người ta nói "Nam-mô Bổn-sư Thích-ca-mâu-ni Phật" chứ không mấy ai nói "Nam-mô Bản-sư" cả. Vậy thì ta có thể kết-luận được rằng khi một chữ có hai cách đọc "ô/a" thì ta gần như chắc chắn cách đọc "ô" là cổ hơn cách đọc "a."

13/ Đào Duy Anh, sách đã dẫn, trang 81. Sở dĩ ông Đào nói là "hơi lạ" là vì cách viết Nôm của hai chữ "trái" và "trắng" không theo những định-luật của ông chú chính thật ta có thể giải-thích khác đi và hiểu được lắm.

Một bằng-chứng nữa của khoá "ô/a" trong tiếng Việt có thể tìm thấy được ở trong những chữ kép lặp âm đầu trong tiếng Việt. Chúng tôi muốn nói đến tất cả những chữ kép mà vần đầu là "ô" và vần sau là "a" như: vốn vắ, rộn ràng, ngón ngang, buồn bã, bồn ba, phốp pháp, v.v. Chúng ta thấy ngay là trong tất cả những chữ kép hình-thành kiểu này chúng ta thấy "ô" đi trước rồi mới tới "a." Thế có nghĩa là âm "ô" là âm gốc và âm "a" chỉ là thêm sau này. Một cách nữa để thử nghiệm chuyện này là lấy một chữ ghép như "lỗ lắ": rõ ràng chữ "lỗ" là chính và chữ "lắ" là thêm thắt. "Rộn ràng" cũng vậy: "rộn" là chính vì nó có thể đứng một mình được (tỷ như "lầm rộn") hay chữ khác có thể ráp với nó được như "rộn rịp, rộn rắ" chứ những chữ như "ràng, rịp, rắ" không ráp được với cái gì ở sau cả.

Ở đây, chúng ta chưa thể đào sâu được vấn-đề này nhưng có lẽ chúng ta cũng nhận cơ-hội này mà đưa ra giả-thuyết là có lẽ tiếng Việt cũng đã có một quá-trình "chuyển-hoán nguyên-âm" (vowel shift) mà Noam Chomsky đã tìm thấy trong tiếng Anh, theo đó thì có hai chu-kỳ nguyên-âm đối thay cho nhau (gọi là "chuyển-hoán" chỗ cho nhau): một chu-kỳ nguyên-âm "ô" đổi thành "a" sau khi qua những chặng trung-gian như "ơ" hay "o" và một chu-kỳ nguyên-âm tiến-trí "i" đổi thành "ê" qua chặng trung-gian "æ."



Hình 1. Hai chu-kỳ chuyển-hoán nguyên-âm trong tiếng Việt phỏng theo Sanford A. Schane, Generative Phonology, Englewood Cliffs, N.J., 1973, trang 71.

Chấp-nhận quan-niệm "chuyển-hoán nguyên-âm" này, chúng ta sẽ hiểu được tại sao giữa ba cách đọc "minh mông, mênh mông và mênh mang" thì chúng ta gần như chắc chắn "minh mông" là lối phát âm cổ xưa nhất và "mênh mang" là lối phát âm gần ta nhất, còn như phát âm "mênh mông" thì có lẽ là đánh dấu một chặng phát triển trung-gian của hai hình-thức "minh mông" và "mênh mang." Chấp-nhận sự "chuyển-hoán nguyên-âm" này, chúng ta cũng có thể khẳng-định rằng giữa hai lối đọc "âm thình" và "âm thanh" thì lối đầu là cổ hơn vì "i" là âm cao mới chuyển-hoán thành "æ," âm thấp, để rồi sau này (một hai trăm năm nữa) có thể chuyển thành "âm *thênh."

Một vấn-đề cuối cùng mà chúng tôi muốn nói tới trong địa-tầng Nôm nay là vấn-đề dấu giọng. Tiếng Nôm có dấu giọng không? Đó là một câu hỏi mà trả lời rất khó nếu ta thuận-tuý phải dựa vào chữ viết Nôm. Vì một lý lẽ đơn giản là cách viết Nôm không có hệ-thống để ghi dấu giọng. Tuy-nhiên, ta có thể dùng được cách suy-luận bằng chứng-dẫn (inference) để nói được là tiếng Nôm (khác với chữ Nôm) có dấu giọng. Đó là lấy cách phiên âm tiếng Nôm của các giáo-sĩ, đặc-biệt của Alexandre de Rhodes, để mà nói rằng rõ ràng tiếng Nôm có dấu giọng. Theo Đào Duy Anh thì dựa vào Maspéro, ông khẳng-định: "Về thanh điệu thì các thanh bình thường khứ nhập đại khái cũng được giữ trong âm Hán-Việt. Ô. Vương

Lực cho rằng trừ một số trường hợp lệ ngoại rất ít thì hệ thống thanh điệu tiếng Trung-quốc thời Đường rất phù hợp với hệ thống thanh điệu của tiếng Hán-Việt. Ô. Nguyễn Tài Cần thì cho rằng tất cả những phụ âm không kêu của âm Đường - Tống sang âm Hán-Việt đều nhất luật có thanh điệu cao (ngang, hỏi, sắc) và tất cả các phụ âm kêu đều nhất luật có thanh điệu thấp (huyền, ngã, nặng).^{14/}

Nhận-định trên đây sự thực thuộc về tiếng Hán-Việt mà Đào Duy Anh cho là hình-thành ở nước ta từ thế-kỷ X, "có thể bắt đầu ngay từ khi họ Khúc đẩy nghiệp (905) mà tiếp diễn trong thời gian đầu của thời tự chủ,"^{15/} nhưng vì ông cho rằng chữ Hán-Việt đã được "chữ Nôm lấy làm cơ sở để hình thành"^{16/} thành chúng tôi đem đưa ý-kiến của ông ra ngay ở đây. Chính ra, chúng tôi không đồng-ý với quan-niệm này và sẽ bàn vấn-đề tiếng/chữ Hán-Việt ở đoạn sau. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nêu ra một sự có thể, đó là những người tạo ra chữ Nôm có lẽ cũng đã ý-thức được tiếng Việt thời bấy giờ có dấu giọng. Chúng tôi xin đơn-cử một thí-dụ. Trong Quốc-âm thi-tập của Nguyễn Trãi có một bài thơ (bài số 1) mà câu 7 ai cũng phiên âm là:

朝 官 極 沛 隱 庄 沛
Triều quan chắng phải, ẩn chắng phải.^{17/}

Nghĩa là đây là một câu khẳng-định: "Triều-quan không phải mà ẩn-dật, ẩn-sĩ cũng không phải." Nhưng nếu nghĩa như vậy thì sao hai chữ "chắng" lại viết khác nhau trong chữ Nôm? Theo chúng tôi, câu này phải đọc như một câu hỏi: "Triều-quan chắng phải, ẩn chắng phải?" Có nghĩa là "đá không phải là một ông triều-quan thì đi ở ẩn nên chắng?" Nếu cách đọc này được xem là đúng thì rõ ràng người viết bài thơ cố dụng-ý viết xuống một chữ "chắng 𠵹" và một chữ "chắng 庄" (khác nhau có một cái dấu giọng) để diễn tả rất chính-xác ý của mình.

Địa-tầng Hán-Việt

Chúng tôi lúng túng vô cùng khi nói đến địa-tầng này vì nếu địa-tầng "quốc-ngữ" và địa-tầng Nôm nói đến một ngôn-ngữ hoàn-bị, đầy đủ thì địa-tầng Hán-Việt này có lẽ chỉ nói về một phần của tiếng Việt của ta mà thôi. Sự thực, nhiều người còn có thể chất-vấn tại sao lại phân-biệt địa-tầng này với địa-tầng Nôm. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần phải phân-biệt giữa tiếng Nôm (một ngôn-ngữ nói) và chữ Nôm (một ngôn-ngữ viết). Tiếng Nôm, hay ít nhất tiếng người Việt nói, thì hiển-nhiên là phải có trước chữ Nôm tối-thiểu cũng vài nghìn năm và do đó, cũng có trước khi chữ Hán được du-nhập vào nước ta (thế-kỷ II trước Công-nguyên). Có bàn chắng ở đây là chúng ta bàn về chữ Hán đọc theo phát âm

- 14/ Đào Duy Anh, sách đã dẫn, trang 57-58. Vương Lực là một nhà ngôn-ngữ-học Trung-hoa, tác-giả tập Hán-Việt ngữ nghiên cứu (Bắc-kinh: Khoa-học xuất-bản-xã, 1958), còn Nguyễn Tài Cần là một nhà ngôn-ngữ-học miền Bắc, tác-giả một bài luận-văn về thời-kỳ xuất-hiện của chữ Nôm, chưa in.
- 15/ Như trên, trang 52.
- 16/ Như trên, trang 58.
- 17/ Nguyễn Trãi Toàn tập do nhiều người giới-thiệu và chú-thích (Hà-nội: Viện Sử học xuất bản, 1971).

Việt-nam, do đó nên mới gọi là Hán-Việt. Mà nếu chúng ta bàn đến loại tiếng/chữ này thì chắc chắn nó có trước chữ Nôm (chữ không phải tiếng Nôm) vì, như Đào Duy Anh đã nhận-định, nó là cơ-sở của chữ Nôm.

Nói thế chưa hết, trong những chữ Hán mà ta thâm nhập vào tiếng Việt lại có những chữ mà người dùng không còn nhận được ra là chữ Hán hay không còn ý-thức cái gốc Hán của nó. Tỷ-dụ, một câu đơn-sơ như "ở trong nhà" thì mấy ai nghĩ đó là gốc Hán? Trong khi đó, phân-tích kỹ ta sẽ thấy là "ở" gốc ở chữ "ư 於," "trong" có thể là gốc ở "trung 中" và "nhà" có thể gốc ở "gia 家." Thành thử vấn-đề trở nên rất phức-tạp.

Đào Duy Anh phân-biệt chữ Hán-Việt, là thứ chữ ta nghe nhận ra ngay là gốc Hán, và thứ chữ như trên mà Ông cho là "chữ Hán-Việt đọc theo âm xưa." Phần chúng tôi, chúng tôi không chắc định nghĩa thế đã đúng hoàn-toàn. Tỷ-dụ, trong tiếng Việt ngày hôm nay, chúng ta thỉnh thoảng dùng chữ "màn màn," bắt chước người Quảng-đông, để nói "từ từ thôi" thay vì chúng ta nói là "mạn mạn 慢慢" như là phát âm đúng theo âm Hán-Việt. Thế có nghĩa chăng là chữ "màn màn" là đọc theo âm xưa trong khi "mạn mạn" là đọc theo âm nay? Sự thực, cách xâm-nhập tiếng Hán vào tiếng ta có hai ngõ: một ngõ qua chữ viết, trường-hợp đó ta đọc theo cách thiết vận (tức là một cách lý-thuyết, dựa trên sự qui-định của từ-điển), và một ngõ qua cách nói, trường-hợp đó ta đọc theo lời phát âm mà ta học được, tùy theo người đó là người Quảng, người Phúc-kiến hay người Hẹ, v.v.

Chúng tôi xin để phần Đào Duy Anh gọi là "chữ Hán-Việt đọc theo âm xưa"-- mà chúng tôi để nghị gọi gọn hơn là "tiếng Hán cụ-nhập"--đem bàn ở phần sau, còn ở đây chúng tôi chỉ xin bàn đến tiếng/chữ gọi là Hán-Việt.

Chữ Hán-Việt vì là gốc Hán của nó nên có những đặc-điểm sau đây:

1/ Người Trung-hoa đọc được (khác với phần Nôm, người Trung-hoa không nhận ra được).

2/ Người Trung-hoa đọc được nhưng phát âm khác với ta (đây là phần "Việt" trong chữ "Hán-Việt").

3/ Về nghĩa, đôi khi ta hiểu một cách mà người Trung-hoa hiểu một cách. Tỷ-dụ, "từ tế 仔細" ta hiểu là tốt, cư xử đàng-hoàng, nhưng người Trung-hoa thì hiểu là kỹ, tỉ mỉ.

4/ Về ngữ-pháp hay cú-pháp, chữ Hán-Việt phần lớn theo cú-pháp của ta, chỉ trừ có một trường-hợp duy-nhất là hình-dùng-tử, nếu là Hán-Việt, thì thường dùng trước danh-tử. Tỷ-dụ, "mỹ (đẹp) - nhân (người)" thay vì "nhân mỹ" như trong thứ-tự Việt-ngữ.

Cách đọc Việt-nam của chữ Hán-Việt gần như tuyệt-đại-đa-số có thể tìm ra theo cách thiết vận, những trường-hợp ngoại lệ rất là ít. Theo đó thì ta có thể thấy là cách đọc Hán-Việt là cách đọc lý-thuyết rõ ràng nhất mà ta có trong các loại chữ vuông (character script) ta dùng trong lịch-sử.

Như ta đã nói ở trên, chữ Hán-Việt có trước chữ Nôm cả mấy nghìn năm vì căn-bản nó là chữ Hán. Nhưng cách đọc Hán-Việt thì bị ảnh-hưởng tiếng nói của ta trước khi có chữ Nôm cũng cả một nghìn năm là ít. Tại sao ta có thể khẳng-định được như thế này? Trước hết là lịch-sử: người Hán sang ta từ 111 trước Công-nguyên, sau đó ta phải học tiếng Hán để liên-lạc với người ta, từ đó là ta đã có thể có cách phát âm tiếng Hán hơi khác người Trung-hoa rồi. Thứ hai là vấn-đề dấu giọng: có một số danh-tử nhà Phật mà đọc theo lời thiết vận thì dấu giọng khác mà đọc như các thầy đọc trong các chùa thì dấu giọng lại khác hẳn.

Trường-hợp đó, chẳng hạn, là hai chữ "cung đường" (dấu sắc, dấu huyền, tức là trắc bằng), nếu ta tra gốc gác của nó thì ta sẽ thấy viết là "cung đường 供養" (dấu ngang, dấu ngã, tức là bằng trắc--đảo ngược hẳn mô-thức trên). Vậy thì gần như chắc chắn là hai chữ "供養" đã du-nhập vào tiếng Việt trước khi có sự phân-định rõ ràng về dấu giọng. Điều này không có gì mâu thuẫn với lịch-sử cả: Đạo Phật du-nhập vào ta tối-thiểu cũng từ thế-kỷ II sau Công-nguyên trong khi đó sự phát triển dấu giọng, theo Haudricourt, thì cũng chỉ bắt đầu từ những thế-kỷ sau đó mà thôi.^{18/}

Vậy thì dấu giọng có thể xem là một yếu-tố căn-bản để phân-biệt những chữ Hán-Việt (theo như ta định nghĩa ở trên) và những chữ mà chúng tôi gọi là tiếng Hán cụ-nhập. Sự thực, tiếng Hán cụ-nhập còn khác tiếng Hán-Việt ở nhiều điểm nữa như:

1/ Phát âm khác (phát âm tiếng Hán cụ-nhập gần lối phát âm của tiếng Trung-hoa cổ mà Bernhard Karlgren gọi là "ancient Chinese," tức tiếng Trung-hoa đời Tuỳ - Đường, hay đôi khi còn gần cả tiếng Trung-hoa đời Ngô, mà người Nhật gọi là "go-on," Ngõ-âm).^{19/}

2/ Các âm đầu chữ (initials) hay vần (tức là phần nguyên-âm hay bắt đầu bằng nguyên-âm cộng thêm âm cuối chữ) hoặc cả hai đều khác.

3/ Đặc-biệt nhất là những chữ Hán cụ-nhập thường là những chữ lẻ, dùng theo cú-pháp Việt-nam, chúng tỏ nó đã vào "quốc-tịch" Việt-nam từ lâu đời rồi.

Tỷ-dụ "ở trong nhà" nêu trên cho ta thấy điều đó. Nếu nó là Hán-Việt thì ta đã phải nói "tại gia trung" hay "gia trung tại," nhưng vì đây là Hán cụ-nhập nên câu nói hoàn-toàn theo cú-pháp Việt-nam.

Trở về cách phát âm, chúng ta sẽ thấy là những chữ mà Vương Lực nêu ra trong tập nghiên-cứu của ông về Hán-Việt,^{20/} mà ông gọi là "cổ Hán-Việt ngữ," phần lớn thuộc loại này, tỷ-dụ:

Tiếng Việt (Hán cụ-nhập)	Hán-Việt (thiết vận)	Lời đọc cổ-Hoa-ngữ (theo Karlgren)	Âm (thời-đại)
bay	phi 飛	py ^w ei	Tuỳ - Đường
bia	bi 碑	pywie	Tuỳ - Đường
bền	tiện 便	b ^c ien [*] (Nhật ben)	Tuỳ - Đường
buông	phóng 放	piwêng	Tuỳ - Đường
Bụt	Phật 佛	b ^c iuət (Nhật butsu)	Tuỳ - Đường
hợp	hạp/hợp 合	gap	Tuỳ - Đường
chè	trà 茶	d ^c a (Nhật cha, tya)	Tuỳ - Đường

18/ Haudricourt, André-G. "De l'origine des tons en vietnamien" trong Journal Asiatique, tập CCXLII (1954), Fascicule 1, trang 69-82.

19/ Karlgren, Bernhard. Analytic Dictionary of Chinese and Sino-Japanese.

20/ Vương Lực, Hán-Việt ngữ nghiên cứu trong tập Hán-ngữ sử luận-văn-tập, Bắc-kinh: Khoa-học xuất-bản-xã, 1958.

Tới giờ, chúng ta có thể hiểu được rồi một số những nét chính của tiếng mà chúng tôi gọi là "tiếng Hán cụ-nhập." Một đặc-điểm của tiếng Hán cụ-nhập có thể nêu ra đây là nó không nhất thiết theo luật về dấu giọng mà ông Nguyễn Tài Căn nêu ra cho những âm Hán-Việt (giai-đoạn sau): "Tất cả những phụ âm không kêu của âm Đương - Tông sang âm Hán-Việt đều nhất luật có thanh điệu cao (ngang, hỏi, sắc) và tất cả các phụ âm kêu đều nhất luật có thanh điệu thấp (huyền, ngã, nặng)." 21/ Tỷ-dụ, chữ "phóng 放" (Hán-Việt) mà lối đọc cổ do Karlgren định lại là "pịwêng" thì rõ ràng là không kêu ("voiceless") nhưng sang tiếng Việt thì lại thành "buông," vừa là âm kêu (âm "b" là "voiced") vừa là dấu ngang (không hề huyền, ngã hay nặng). Thế có nghĩa là ông Nguyễn Tài Căn, nếu có đúng thì cũng chỉ đúng về giai-đoạn Hán-Việt (âm Hán-Việt tương-đương với âm Đương - Tông) thôi chứ không nhất thiết đúng khi ta nói đến giai-đoạn tiếng Hán cụ-nhập.

Đề kết

Nói đến đây, chúng tôi thiết tưởng đã tả lại được những nét chính của sự du-nhập tiếng Hán vào trong tiếng Việt-nam. Sự chứng minh của chúng tôi dựa hoàn-toàn trên chữ viết nên chúng ta có thể hiểu lầm rằng tiếng Việt gốc gác từ tiếng Hán, một điều hoàn-toàn sai lầm. Số dĩ ta có cảm-tưởng như vậy là tại vì trong sự nghiên-cứu, đôi khi ta phải vụ phương-tiện. Phương-tiện nghiên-cứu tiếng Việt xưa của chúng ta là chữ "quốc-ngữ," chữ Nôm và chữ Hán. Vì chữ Nôm và chữ Hán gốc học của người Trung-hoa mà ta bảo tiếng Việt gốc ở tiếng Trung-hoa thì cũng tựa như ta nói ngày nay tiếng Việt viết bằng chữ "quốc-ngữ," do đó tiếng Việt gốc ở chữ La-tinh.

Sự thực, tiếng Việt phải có trước khi người Hán đến nước ta và tiếng Hán du-nhập vào nước ta thì mới có vấn-đề tiếng Hán bị Việt-hoá trong cách đọc, chữ Hán thành chữ Hán-Việt và chữ Nôm cần được đặt ra để ghi những âm Việt. Thật ra, ta còn thấy có những hiện-tượng lạ như là lối phát âm Việt-nam còn ảnh-hưởng đến cả chữ Hán du-nhập vào trong nước ta. Tỷ-dụ, tiếng Hán "sen" là "liên 蓮" nhưng tại sao ta lại đọc là "sen"? Hiện-tượng này chỉ có thể giải-thích được bằng giả-thuyết cho rằng tiếng Việt thời bấy giờ có cụm tử-âm đầu "sl-" phổ-biến đến nỗi chữ "liên" mà do người Việt thời bấy giờ đọc thì được phát âm thành "*sliên." Sau này, âm "l" bên cạnh âm "s" thì bị rụng đi như trường-hợp chữ "slầu" thành "sầu," "sláng" thành "sáng" vậy.

Nếu chúng ta không dựa vào chữ viết để nghiên-cứu nữa thì chúng tôi thiết nghĩ chúng ta có thể trở về một thứ tiếng Việt nguyên-thủy có lẽ không xa giả-thuyết của Bình Nguyên Lộc lắm, đó là tiếng Việt nguyên-thủy là một thứ tiếng Nam-dương - Đa-đảo, đặc-điểm là từ ngữ nhị âm (disyllabic), số nhiều điển-tả bằng sự lặp lại và không có dấu giọng--tựa như tiếng Mã-lai hay Nam-dương ngày hôm nay. Nhưng đây là một công-trình khác còn đang chờ đợi các học-giả khác nghiên-cứu, đào sâu thêm sau này.

Hoa-thịnh-đồn, tháng 3-tháng 5, 1983
(Chúng tôi xin cảm ơn GS Nguyễn Đình Hoà
đã giúp chúng tôi nhiều tài-liệu để hoàn-
tất bài tham-luận này.)

21/ Theo Đào Duy Anh, sách đã dẫn, trang 58.